

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 09 năm 2020

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lữ Đình Tính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Oanh.

2. Ông Nguyễn Văn Kiểm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vỉnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 09 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2020/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 04 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 08 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 09 năm 2020 giữa:

+ Nguyên đơn: Chị Nông Thị T, sinh năm: 1993 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 8, xã S, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi tạm trú: Đường 27, khu công nghiệp V2, phường VT, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

+ Bị đơn: Anh Hoàng Văn Q, sinh năm: 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng Văn

Q sau một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân về chung sống với nhau từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 284 quyển số 02/2015, ngày 30/11/2015. Trong quá trình chung sống với nhau đến cuối năm 2015 thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh Q không lo làm ăn mà hay đi đánh bạc, chơi số đề, uống rượu không chăm lo gia đình, không có sự tin tưởng với nhau khi chị T phải đi làm xa để kiếm thêm thu nhập. Mặc dù chị T và gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh không chịu sửa đổi nên mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do không thể tiếp tục chung sống với nhau nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2020 cho đến nay. Do mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn cơ hội quay về đoàn tụ nên chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

* Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Gia N, sinh ngày 12/10/2015 hiện nay cháu N đang do anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nguyên vọng của chị T về con chung là giao cháu N cho anh Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

* Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn anh Hoàng Văn Q vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được bản tự khai và không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Hoàng Văn Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn Q.

Phản tranh luận, nguyên đơn chị Nông Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Q; Về con chung chị xin được giao quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Gia N, sinh ngày 12/10/2015 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi; Về tài sản chung và công nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, hội đồng xét xử (HĐXX) và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, Điều 107, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cho chị Nông Thị T ly hôn với anh Hoàng Văn Q; Giao con chung Hoàng Gia N, sinh ngày 12/10/2015 cho anh Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Chị Nông Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng); phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Hoàng Gia N đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nông Thị T, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Nông Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Hoàng Văn Q có nơi cư trú tại Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Anh Hoàng Văn Q đã được Toà án nhân dân huyện Krông Pắc triệu tập đến phiên toà để xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Hoàng Văn Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q là hợp pháp, được pháp luật công nhận thể hiện tại Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 284 quyển số 02/2015, ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo lời trình bày của chị T vợ chồng chị sống chung với nhau từ năm 2013 đến cuối năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do tính cách không hợp, điều kiện kinh tế khó khăn chị T phải đi làm ăn xa nhưng anh Q không tin tưởng chị và không lo làm ăn hay đi đánh bạc. Vì sống chung không hạnh phúc nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2020 đến nay ai biết bốn phận người đó. Theo kết quả xác minh của chính quyền địa phương cho thấy vợ chồng anh chị sống chung không hạnh phúc và từ tháng 2 năm 2020 cho đến nay chị T không về lại nhà anh Q nữa. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xác định

tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn với anh Q là có cơ sở pháp luật.

Căn cứ vào lời khai của đương sự, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và các chứng cứ thu thập được có căn cứ xác định: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh Q đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, từ tháng 2 năm 2020 đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau, đã hoàn toàn bỏ mặc nhau, ai biết bổn phận người đó, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.”

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Nông Thị T và anh Hoàng Văn Q đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cho chị Nông Thị T ly hôn anh Hoàng Văn Q là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng chị T và anh Q có 01 con chung là cháu Hoàng Gia N, sinh ngày 12/10/2015.

Từ ngày vợ chồng sống ly thân thì cháu N đang sống với anh Q. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nông Thị T có nguyện vọng giao con chung cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng. Theo kết quả xác minh tại địa phương anh Q có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hơn nữa hiện nay chị T chưa có chỗ ở ổn định, thời gian tăng ca nhiều nên chưa có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Vì vậy, áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao con chung cho anh Hoàng Văn Q tiếp tục nuôi chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nông Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Hoàng Gia N, sinh ngày 12/10/2015 đủ 18 tuổi. Xét thấy việc tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con của chị T là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên cần được chấp nhận.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nông Thị T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[5] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nông Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn Q.

- Về con chung: Giao con chung cháu Hoàng Gia N, sinh ngày 12/10/2015 cho anh Hoàng Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Chị Nông Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nông Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Hoàng Gia N đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Nông Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2019/0007338 ngày 28 tháng 04 năm 2020. Chị Nông Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể

từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- THADS huyện Krông Pắc;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã E;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lữ Đình Tính